

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 16/2021/HC-ST

Ngày: 09/6/2021

*V/v “Khởi kiện hành vi hành
chính và yêu cầu bồi thường thiệt
hại do cưỡng chế tháo dỡ công
trình xây dựng trái phép”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Thương- Bà Nguyễn Thị Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 37/2017/TLST-HC ngày 17 tháng 5 năm 2017 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng trái phép*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2021/QĐST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-Người khởi kiện: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 Trần Hưng Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

-Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T. Đại diện theo pháp luật của UBND Tp T ông Cao Đình H, Chủ tịch UBND thành Phố T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Hưng Đon – Phó trưởng phòng quản lý đô thị thành phố T theo công văn số 2013 ngày 08/6/2021 của UBND Tp T.

-Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần H1, nguyên là Quyền Chủ tịch UBND Tp T. Vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Ngọc T1, nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP T. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Trọng Th, nguyên là Trưởng phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.

4. Bà Lưu Thị A, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Hùng Q, nguyên là Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường TP T. Vắng mặt.
6. Ông Thân Trọng T2, Đại diện Công ty quản lý đường sắt Phú Khánh. Vắng mặt.
7. Ông Trần Xuân Kh, đại diện Công ty quản lý đường sắt Phú Khánh. Vắng mặt.
8. Ông Trần Xuân Đ, nguyên là Bí thư Đảng ủy phường 1, TP T. Vắng mặt.
9. Ông Nguyễn Lương S, nguyên là Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP T. Vắng mặt.
10. Ông Trần Văn P, nguyên là Chánh Thanh tra TP T. Vắng mặt.
11. Ông Nguyễn Văn H2, nguyên là Trưởng phòng Tư pháp TP T. Vắng mặt.
12. Ông Huỳnh Thái H3, nguyên là Phó trưởng phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
13. Ông Đỗ Cao D nguyên là Phòng Y tế TP T. Vắng mặt.
14. Bà Phùng Thị Phi Y1, Bác sĩ Bệnh viện đa khoa TP T. Vắng mặt.
15. Ông Phạm Quốc D1, TP KH-KT Công ty TNHH MTV MT Đô thị. Vắng mặt.
16. Ông Trần Quốc H4, nguyên là Công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP T. Vắng mặt.
17. Ông Nguyễn Đ1, Công chức phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
18. Ông Phạm Hữu T3, Công chức Phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
19. Ông Nguyễn Công T4, Nhân viên phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
20. Ông Nguyễn Quốc D2, Nhân viên phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
21. Ông Huỳnh Đức T5, Nhân viên phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
22. Ông Triệu Chính Q1, Nhân viên Lái xe phòng quản lý đô thị TP T. Vắng mặt.
23. Ông Vũ Thiện Đ2, Công chức Thanh tra TP T. Vắng mặt.
24. Ông Nguyễn Huỳnh Tr, Lái xe Phòng Văn hóa & thể thao TP T. Vắng mặt.
25. Ông Dương Minh T6, Công chức phòng tài nguyên và môi trường TP T. Vắng mặt.
26. Ông Võ Công T7 Công chức phòng tài nguyên và môi trường TP T. Vắng mặt.
27. Ông Nguyễn Thành S1, Nhân viên Lái xe Bệnh viện đa khoa TP T. Vắng mặt.

28. Bà Lê Thị Bạch T8, Y sĩ Đa khoa trung tâm y tế TP T. Vắng mặt.
29. Bà Phạm Thị B, nguyên là Phó bí thư Đảng ủy phường 1, TP T. Vắng mặt.
30. Ông Nguyễn Văn P1, nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
31. Ông Võ Xuân L, nguyên là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường 1, TP T. Vắng mặt.
32. Bà Bùi Thị Thu Th1, nguyên là Công chức Văn hóa xã hội Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Có mặt.
33. Bà Nguyễn Thị Thu H5, Công chức văn thư Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Có mặt.
34. Ông Nguyễn Thanh B1, Công chức địa chính Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Có mặt.
35. Ông Nguyễn Phù N, Công chức Trật tự đô thị Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
36. Bà Nguyễn Thị X, Công chức địa chính Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Có mặt.
37. Bà Phan Thị Thu H6, Công chức văn phòng Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Có mặt.
38. Ông Cao Hồng T9, Thanh tra nhân dân Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
39. Bà Nguyễn Phi L1, Công chức Tài chính Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
40. Bà Trần Thị H7, Công chức Tư pháp Ủy ban nhân dân phường 1, TP T. Vắng mặt.
41. Ông Nguyễn Thái Kh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường 1, TP T. Vắng mặt.
42. Ông Ngô Hùng L2, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường 1, TP T. Vắng mặt.

43. Võ Kỳ L3, nguyên là Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường 1, TP T. Có mặt.

44. Võ Chí Q2, nguyên là Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường 1, TP T. Vắng mặt.

45. Bà Nguyễn Thị L4, nguyên là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ phường 1, TP T. Có mặt.

46. Bà Nguyễn Thị H8, nguyên là Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ phường 1, TP T. Có mặt.

47. Ông Trương Văn S2, khu phố trưởng khu phố 4, phường 1, TP T. Vắng mặt.

48. Ông Đặng Thành Nh3, khu phố phó khu phố 4, phường 1, TP T. Vắng mặt.

49. Bà Đặng Thị V1, Cán bộ trạm y tế phường 1, TP T. Vắng mặt.

50. Ông Nguyễn Hoài V2, Cán bộ trạm y tế phường 1, TP T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28.02.2014, ngày 23.4.2014 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 25.10.2017, tại phiên tòa người khởi kiện Bà Hồ Thị ThanhSwong trình bày: Ngôi nhà phía đông 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T tôi xây dựng hợp pháp. Khi xây dựng nhà chưa có giấy phép xây dựng. Trong quá trình xây dựng nhà bị Ủy ban nhân dân phường 1, phòng Quản lý đô thị lập 06 biên bản kiểm tra hiện trạng nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính, không bị xử lý hành chính theo quy định. Vào tháng 11.2012 Chủ tịch UBND phường 1 thông báo cưỡng chế nhà của tôi nhưng tôi không đồng ý nên khiếu nại và đã được UBND phường 1 tạm ngưng việc cưỡng chế. Ngày 07.12.2012 các cơ quan chức năng tiếp tục lập biên bản hiện trường nhà của tôi và tôi tiếp tục khiếu nại đến phòng quản lý đô thị nhưng không giải quyết. Sau đó, tôi dọn đồ về kinh doanh buôn bán. Đến ngày 15.3.2013 nhận được công văn số 513 do Phó chủ tịch UBND TP T ký, đến ngày 15.5.2013 nhận thông báo số 265 thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế nhà. Như vậy, việc tôi xây dựng nhà không có giấy phép nhưng không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn mà ông Trần H1 - Quyền Chủ tịch và ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T ban hành kế hoạch cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế ngôi nhà của tôi xây dựng là xâm phạm đến tài sản của tôi. Nay tôi khởi kiện hành vi hành chính các ông Trần H1 – Quyền Chủ tịch và ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T cùng với những người có tên trong quyết định tổ chức cưỡng phải bồi thường thiệt hại giá trị công trình là 1.200.000.000đ và tiền lãi, tiền mất thu nhập do không được kinh doanh từ đó cho đến khi tòa xử xong vụ án.

Tại Công văn số: 5891/UBND ngày 29/12/2017 của UBND thành phố T có nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh S như sau:

1. Quá trình xử lý vi phạm hành chính đến việc ban hành Quyết định cưỡng chế của UBND thành phố T là đúng quy định pháp luật.

- Thừa đất tiếp giáp phía đông nhà 04 Lê Lợi là đất do Nhà nước quản lý, hành vi chiếm đất để xây dựng công trình của bà Hồ Thị Thanh S là trái pháp luật đã bị cưỡng chế vào ngày 20/3/2003. Nhưng sau cưỡng chế, bà S vẫn cố tình vi phạm bằng cách cùng lúc gửi đơn xin phép, đơn khiếu nại, đơn xin cứu xét, xin tồn tại... trong khi các cấp chính quyền thụ lý giải quyết, xem xét thì bà S lén lút xây dựng bất chấp quy định pháp luật. Căn cứ Điều 2 Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ quy định việc xử phạt về hành vi lấn chiếm đất đai; Điều 6 Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ quy định việc xử phạt đối với hành vi tổ chức xây dựng bộ phận công trình trên đất không được xây dựng; Điều 12 và Điều 29 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 quy định về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện thì việc UBND thành phố T ra Quyết định số 2723/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra, buộc bà Hồ Thị Thanh S tháo dỡ công trình vật kiến trúc vi phạm, trả lại mặt bằng cho Nhà nước là đúng quy định.

- Ngày 18/5/2006 bà S có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2723/QĐ-KPHQ. Ngày 25/4/2007 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 1436/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Hồ Thị Thanh S (lần đầu), đến ngày 02/5/2007, bà S có đơn gửi lên UBND tỉnh Phú Yên khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nêu trên. Ngày 21/8/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1500/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 trong đó không công nhận đơn khiếu nại ngày 02/5/2007 của bà Hồ Thị Thanh S, công nhận nội dung Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 của Chủ tịch UBND thành phố T là có căn cứ pháp luật. Trong thời gian này bà S tiếp tục cho thợ xây dựng công trình vi phạm của mình, ngày 12/01/2009 qua kiểm tra các ngành chức năng thành phố đã lập biên bản yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bà S.

Để xử lý công trình vi phạm, ngày 11/8/2009 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3032/QĐ-CC Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt. Qua soát xét hồ sơ pháp lý ngày 14/11/2012, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 5000/QĐ-UBND về việc “Điều chỉnh Điều 3 Quyết định số 3023/QĐ-CC ngày 18/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T”.

Như vậy, việc ban hành các Quyết định cưỡng chế của UBND thành phố T là đúng quy định pháp luật.

2. Để thực hiện các Quyết định cưỡng chế nêu trên UBND thành phố đã xây dựng kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 06/3/2013 tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng biện pháp xử phạt đối với công trình xây dựng bất hợp pháp của bà Hồ Thị Thanh S tại thửa đất phía đông nhà 04 Lê Lợi, phường 1, thành phố T, đồng

thời có Tờ trình số 456/TTr-UBND ngày 06/3/2013 về việc xin chủ trương cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt đối với công trình xây dựng bất hợp pháp của bà Hồ Thị Thanh S tại thửa đất phía Đông nhà 04 Lê Lợi, phường 1, thành phố T. Đến ngày 03/4/2013 UBND tỉnh Phú Yên có Công văn số 938/UBND-NC về việc phúc đáp việc xin chủ trương cưỡng chế của UBND thành phố T, theo đó việc cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố cùng các thành viên trong đoàn tổ cưỡng chế là đúng thẩm quyền và đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố cùng các thành viên trong đoàn tổ chức cưỡng chế tài sản phía đông nhà 04a Lê Lợi là đúng kế hoạch và đúng quy định pháp luật.

3. Quá trình xử lý vi phạm hành chính đến việc ban hành Quyết định cưỡng chế của UBND thành phố T và việc Chủ tịch UBND thành phố cùng các thành viên trong đoàn tổ chức cưỡng chế tài sản phía đông nhà 04 Lê Lợi là đúng quy định pháp luật. Do đó, việc “Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch UBND thành phố T có trách nhiệm bồi thường cho bà Hồ Thị Thanh S với số tiền trị giá căn nhà là 400.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày bị cưỡng chế cho đến khi giải quyết vụ án, tiền mất thu nhập do không được kinh doanh” là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật.

50 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 41 người từ chối tham gia tố tụng; 09 người có mặt tại phiên tòa trình bày chỉ có tên trong đoàn cưỡng chế theo thành phần, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của lãnh đạo UBND Tp T nếu có gây thiệt hại thì UBND Tp có trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, cho rằng việc UBND Tp T tổ chức cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật, không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

- **Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của HĐXX và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Việc UBND Tp T Ban hành quyết định số 3032 quyết định cưỡng chế thi hành quyết định số 2723, Kế hoạch cưỡng chế số 455 và việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 2723 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện hành vi hành chính của ông Trần H1 - Quyền Chủ tịch UBND thành phố T ký Kế hoạch cưỡng chế số 455/KH-UBND ngày 06.3.2013, ký Quyết định thành lập đoàn

cưỡng chế số 1368/QĐ-UBND ngày 16.4.2013; hành vi hành chính của ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T tổ chức thực hiện việc cưỡng chế công trình xây dựng của bà Hồ Thị Thanh S tại thửa đất phía Đông nhà 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T; và những người có tên trong quyết định thành lập đoàn cưỡng chế số 1368/QĐ-UBND ngày 16.4.2013 phải bồi thường thiệt. Xét thấy ông Trần H1, ông Nguyễn Ngọc T1 thực hiện chức năng nhiệm vụ của Chủ tịch UBND và chức năng nhiệm vụ của UBND cấp huyện (ông Trần H1 nay đã nghỉ hưu, ông Nguyễn Ngọc T1 đã chuyển công tác khác), còn những người có tên trong đoàn cưỡng chế theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 16.4.2013 đều thực hiện nhiệm vụ được lãnh đạo phân công, nếu có gây thiệt hại thì UBND Tp T và Chủ tịch đương nhiệm của UBND Tp T có trách nhiệm bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử xác định người bị kiện là UBND Tp T và Chủ tịch UBND Tp T. Những người thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Tp T, chức năng nhiệm vụ của UBND Tp T và những người lãnh đạo UBND phân công là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện hành vi hành chính của ông Trần H1 - Quyền Chủ tịch UBND thành phố T ký Kế hoạch cưỡng chế số 455/KH-UBND ngày 06.3.2013, ký Quyết định thành lập đoàn cưỡng chế số 1368/QĐ-UBND ngày 16.4.2013; hành vi hành chính của ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T tổ chức thực hiện việc cưỡng chế công trình xây dựng của bà Hồ Thị Thanh S tại thửa đất phía Đông nhà 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T. Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Hồ Thị Thanh S là thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Về thời hiệu: Ngày 26.5.2014, bà Hồ Thị Thanh S có đơn khởi kiện hành vi hành chính tại TAND thành phố T là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, UBND thành Phố T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 luật tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của các Quyết định hành chính để làm căn cứ ban hành các thủ tục để tổ chức cưỡng chế nhà phía đông 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T:

Căn cứ Quyết định số: 1101/QĐ-UB ngày 08.5.2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc duyệt đề án Quy hoạch công trình chỉnh trang xây dựng khu dân cư Nhạn Tháp, thị xã T. Đồng thời qua kiểm tra diện tích đất để giải quyết yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị Thanh S các cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T đã xác minh và giải thích rõ nguồn gốc đất tọa lạc tại phía Đông nhà 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T của bà Hồ Thị Thanh S tại Công văn số: 302/BC-TNMT ngày 17.9.2011, cụ thể : Trong tổng diện tích đất 279,94m² (trong đó có 04,26m² đất nằm trong hành lang an toàn đường sắt, 208,03m² nằm trong quy hoạch đường ngụy hỏa rộng 6m và 40,57m² quy hoạch đảm bảo góc thoáng cho

đường ngư hỏa, $27,08m^2$ không trùng quy hoạch và hiện trạng đã xây dựng nhà kiên cố) chỉ có $66,14m^2$ đất có nguồn gốc mua lại (diện tích $198,05m^2$ bà S đã mua lại gồm: ông Lưu $58,2m^2$, ông Sang và ông Công: $68,75m^2$, ông Quý $71,1m^2$ bà S đã bán cho bà Nga diện tích đất $131,91m^2$). Như vậy, diện tích bà S còn lại $66,14m^2$. Theo giấy tờ mua bán thể hiện mốc thời gian bà S nhận chuyển nhượng đất từ năm 2001-2005 thì thời điểm này Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã có Quyết định số: 1101/QĐ-UB ngày 08.5.2000. Như vậy trong tổng diện tích đất theo hiện trạng $279,94m^2$ thì đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất $27,08m^2$, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất $39,06m^2$, bà S được tạm thời sử dụng theo hiện trạng đến khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền. Phần diện tích còn lại $213,8m^2$ ($279,94m^2 - 66,14m^2 = 213,8m^2$) bà S phải thực hiện theo Quyết định: 2723/QĐ-KPHQ ngày 11/5/2006 của UBND thành phố về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà. Ngày 18.5.2006 bà S khiếu nại quyết định số 2723/QĐ-KPHQ. Ngày 25.4.2007 Chủ tịch UBND thành phố T ra Quyết định số 1436/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà Hồ Thị Thanh S. Ngày 02.5.2007 bà S có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Phú Yên. Ngày 21.8.2007, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định số 1500/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại bà S, công nhận nội dung quyết định số 1436/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Bà S không khởi kiện vụ án hành chính, các quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật.

Để thực hiện Quyết định số 2723/QĐ-KPHQ ngày 11/5/2006 của UBND Tp T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, ngày 11.8.2009 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định số 3032/QĐ-CC quyết định cưỡng chế. Bà S không tự giác thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

[3] Về trình tự thủ tục thực hiện việc cưỡng chế: Để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của bà S – xây dựng công trình trái pháp luật tại thửa đất phía Đông nhà 04a Lê Lợi, phường 1, thành phố T, Chủ tịch UBND và UBND thành phố T ban hành Kế hoạch cưỡng chế số 455/KH-UBND ngày 06.3.2013, và Quyết định số: 1368/QĐ-UBND thành lập đoàn cưỡng chế nhà phía Đông 04A Lê Lợi, phường 1, thành phố T. Ngày 15.5.2013 UBND thành phố T có thông báo số: 19/TBB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế. Đồng thời trước khi cưỡng chế UBND thành phố T đã mời bà S đối thoại, vận động nhưng bà S vắng mặt. Vào các ngày 24 và 25.5.2013 thực hiện kế hoạch cưỡng chế số 455/KH-UBND ngày 06.3.2013 của UBND thành phố T, đoàn cưỡng chế đã thực hiện việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc xây dựng trái phép tại thửa đất phía đông nhà 04A Lê Lợi, phường 1, thành phố T. Việc Chủ tịch UBND thành Phố T ban hành Kế hoạch cưỡng chế và UBND thành phố T tổ chức thực hiện việc cưỡng chế tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc xây dựng trái phép tại thửa đất phía đông nhà 04A Lê Lợi, phường 1, thành phố T là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12.11.2013. Do đó, việc bà S cho rằng hành vi của ông Trần H1 – Quyền Chủ tịch và hành vi tổ chức cưỡng chế của ông Nguyễn Ngọc T1 -

Phó chủ tịch cùng các thành viên trong đoàn cưỡng chế không đúng làm thiệt hại đến tài sản của bà nên khởi kiện yêu cầu bồi thường giá trị công trình bị cưỡng chế 1.200.000.000đ, tiền lãi và tiền mất thu nhập do không kinh doanh được là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26, Điều 32, Điều 48 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 bà S phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 48.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận (36.000.000đ + 3% x 400.000.000đ = 48.000.000đ)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30,32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 32, Điều 48 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng trái phép của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và các thành viên trong đoàn cưỡng chế bồi thường số tiền 1.200.000.000đ, tiền lãi và tiền mất thu nhập do không kinh doanh được. Vì không có căn cứ pháp luật.

[2] Về án phí: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 200.000đ án phí HCST và 48.000.000đ án phí DSST. Nhưng được trừ 200.000đ bà S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 12083 ngày 21.5.2014 của Chi cục THADS thành phố T. Bà S còn phải chịu 48.000.000đ.

Báo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- CCTHADS TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang